BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Tỉnh Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
DN: C=VN, S=ĐỒNG NAI, L=Biên Hòa, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600261626
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.03.21 17:51:11+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

MỤC LỤC BÁO CÁO

PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY 3

1. KHÁI QUÁT CHUNG 4
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 4
3. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH 7
4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA 8
5. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 9
6. DANH MỤC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY 10
7. THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022 12
8. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY 13
9. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: 13
10. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY: 13
11. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 15

PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022 19

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022: 20
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ 21
3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 25
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 25
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG 26
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY 27

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 31

1. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022 32
2. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2022 33
3. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH NĂM 2023 33

PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 35

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 36
2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 37

PHẦN 5: HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY 39

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 40
2. ỦY BAN KIỂM TOÁN 42
3. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2022 44

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022 45

PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. KHÁI QUÁT CHUNG

❖ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch	**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**
Tên viết bằng tiếng Anh	Vinacafé Bien Hoa Joint Stock Company
Tên viết tắt	VINACAFÉ BH
Mã chứng khoán	VCF
Sàn niêm yết chứng khoán	Sở Giao dịch Chứng khoán TP,HCM (HOSE)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp: 3600261626, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần thứ 17 vào ngày 07 tháng 7 năm 2022.
Vốn điều lệ	265.791.350.000 đồng
Số lượng cổ phần phát hành	26.579.135 cổ phần.

❖ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại	0251.3836554
Website	www.vinacafebienhoa.com

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1968: Ông Marcel Coronel - Nhà máy cà phê Coronel

Năm 1968, Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức. Nhà máy Cà phê CORONEL tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong toàn khu vực các nước Đông Dương.

1975: Nhà máy cà phê Biên Hòa ra đời

Khi Việt Nam thống nhất, gia đình ông Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghiệp Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel đã chạy thử mẻ cà phê hòa tan, nhưng không thành công, bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa tìm được cách "thuần phục" được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan này.

1977: mẻ cà phê hòa tan đầu tiên thành công

Vào đúng dịp kỷ niệm 02 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẻ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy Cà phê Biên Hòa. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Nhà máy cà

phê Biên Hòa và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên, Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

1978: bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan ra nước ngoài

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống Xã hội chủ nghĩa về hàng đổi hàng, từ 1978 Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

1983: ra đời thương hiệu Vinacafé

Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, cái tên "Vinacafé" bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

1990: quay trở lại chinh phục người tiêu dùng Việt Nam

Vào cuối những năm 1980, các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày càng giảm, theo cùng với tốc độ diễn biến bất lợi của hệ thống Xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này. Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha độn (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ, dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn đậu nành, ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

1993: sản phẩm đầu tiên: Cà phê hòa tan 3 trong 1 ra đời

Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thoả mãn thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

1998: mở rộng sản xuất, xây dựng nhà máy cà phê thứ hai

Năm 1998 đánh dấu cột mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc của Vinacafé Biên Hòa. Nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 02 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

2004: Cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa được thành lập

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Yêu quý đứa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là cán bộ công nhân viên của Nhà máy Cà phê Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Vinacafé BH", "VCF", "Vinacafé Biên Hòa", "Công ty"). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi mà nó hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

2010: Trên đà phát triển, xây nhà máy thứ ba ở Khu Công nghiệp Long Thành

---

Ngày 15/12/2010, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan trên khu đất rộng gần 5 ha tại KCN Long Thành, Đồng Nai. Nhà máy thứ ba này có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan/năm, dự kiến khi đi vào hoạt động, mỗi năm nhà máy sẽ cung cấp ra thị trường hàng vạn tấn cà phê hòa tan 2 trong 1; 3 trong 1 theo công nghệ hiện đại của Châu Âu.

Cùng trong năm này, vào tháng 11/2010, Công ty đã đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

2011: Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán

Ngày 28/01/2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265.791.350.000 đồng chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE với mã chứng khoán là VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Cũng trong năm này, vào tháng 9/2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (tên Công ty viết tắt: Masan Consumer) đã chào mua công khai cổ phiếu VCF và trở thành công ty mẹ của VCF.

2012: Hợp nhất hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer

---

Vào quý I/2012, hợp nhất hai hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer tạo thành một hệ thống phân phối chung, phát triển lớn mạnh, rộng khắp và hoạt động hiệu quả.

Quý II/2012, phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm R&D được thành lập trên cơ sở từ bộ phận Nghiên cứu sản phẩm mới của phòng KCS đáp ứng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Cũng trong năm này, quý III/2012, Công ty đã triển khai hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (ERP) và bước đầu áp dụng hệ thống ERP này trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2013: Vận hành dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại Nhà máy Long Thành

---

Vào quý II/2013, Công ty đã bắt đầu vận hành thử nghiệm dây chuyền sản xuất cà phê hoà tan tại Nhà máy Long Thành.

Tháng 04/2013, nguyên Tổng Giám đốc Công ty – Ông Phạm Quang Vũ được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Vào tháng 05/2013, Ông Nguyễn Tân Kỷ được bổ nhiệm và chính thức là Tổng Giám đốc của Công ty.

2014: Khẳng định vị trí hai thương hiệu chủ lực: Vinacafé và Wake-up,

---

Đầu tháng 3/2014: bằng cách thay đổi diện mạo bao bì mới, Công ty đã tái giới thiệu các sản phẩm cà phê sữa vàng truyền thống bao gồm: Cà phê hòa tan 3in1 Gold Original, Gold Gu đậm và Gold Gu đậm hơn, qua đó, khẳng định vị trí số 1 về cà phê hòa tan trên thị trường nội địa *(chiếm 41% thị phần theo số liệu của Công ty nghiên cứu thị trường* ***AC Nielsen 12/2014).***

Với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới có nguồn gốc từ cà phê, vào ngày 30/3/2014, Vinacafé Biên Hòa đã tung sản phẩm nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247, đánh dấu bước phát triển mới của Công ty khi chính thức bước chân vào ngành hàng nước giải khát với thị trường có tiềm năng rộng lớn.

Tháng 10/2014, Vinacafé là thương hiệu cà phê duy nhất đại diện cho Việt Nam đồng hành cùng chương trình Tàu thanh niên Đông Nam Á và Nhật Bản tôn vinh giá trị Việt.

Đến năm 2017, nhãn hiệu Vinacafé được Bộ Khoa học và Công nghệ kết hợp cùng Hiệp hội nhãn hiệu quốc tế (INTA) chính thức công nhận là Nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam trong dự án bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam (Vinacafé là 1 trong 6 nhãn hiệu tại Việt Nam được công nhận).

Tháng 12/2022: Vinacafé tiếp tục được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn 2022-2024, đồng thời tự hào là doanh nghiệp được vinh danh Thương hiệu quốc gia 8 lần liên tiếp kể từ năm 2008-2022.

3. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1.	1079 (chính)	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Sản xuất cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm. - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, - Sản xuất sữa tách bơ và bơ. - Sản xuất sản phẩm cô đặc nhân tạo.

2	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán lẻ ca cao, sô cô la, mứt kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
3	4632	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: - Bán buôn cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán buôn ca cao, sô cô la, mứt kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
4	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: cho thuê nhà xưởng
5	1073	Sản xuất ca cao, sô cô la, mứt kẹo
6	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
7	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy pha cà phê
8	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì máy pha cà phê
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy pha cà phê

4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA

Từ những năm 2012, khi trở thành công ty con thuộc Tập đoàn Masan, hệ thống phân phối sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa đã được tích hợp vào mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống rộng lớn của Masan. Tính đến thời điểm báo cáo, hệ thống phân phối hàng hóa của Tập đoàn Masan là một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam với hơn 8 trung tâm phân phối đảm bảo phân phối hàng hóa trên 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Trên cơ sở thấu hiểu tính đặc thù chuyên biệt của việc phân phối đồ uống khác với phân phối hàng thực phẩm, Tập đoàn Masan đã nhanh chóng xây dựng và phát triển một đội ngũ bán hàng dành riêng cho ngành hàng đồ uống cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Mạng lưới phân phối sâu, rộng, tăng trưởng vô cùng nhanh chóng và mạnh mẽ của Tập đoàn Masan đã giúp các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa được bao phủ và tiếp

cận thị trường sâu rộng nhất, đạt tốc độ tiếp cận thị trường rất nhanh, đặc biệt khi Công ty tung ra các sản phẩm mới và các sản phẩm khuyến mại.

Ngoài ra, Tập đoàn Masan hiện đang sở hữu mạng lưới với hơn 3.132 siêu thị WinMart và cửa hàng WinMart+ phủ rộng khắp Việt Nam với hàng triệu khách hàng cùng kinh nghiệm 20 năm trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng từ Masan đã giúp các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa được tiếp cận người tiêu dùng một cách nhanh nhất thông qua kênh bán hàng siêu thị hiện đại.

Về mảng xuất khẩu, các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa càng ngày được bạn bè quốc tế đón nhận, yêu thích. Chúng tôi đã mở rộng xuất khẩu ra thị trường quốc tế đến nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Canada, Đài Loan, Nhật Bản,… bằng việc luôn nâng cao chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình FSSC, BRC, Halal,…

5. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Tên nhà máy/ cơ sở sản xuất/ chi nhánh kinh doanh dịch vụ	Địa chỉ	Tỉnh/thành phố
1	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (cũng là trụ sở chính)	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa	Đồng Nai
2	Nhà máy Cà phê Biên Hòa II - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (Chi nhánh)	Lô đất số C.I.III- 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành	Đồng Nai
3	Chi nhánh MSI - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (Chi nhánh)	Nhà xưởng F5 và F5 mở rộng, Lô 06, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An	Bình Dương

***Khuôn viên nhà** máy tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa*

6. DANH MỤC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY

Cà phê hòa tan 3 trong 1, 2 trong 1 mang thương hiệu Vinacafé và Wake-up

---

Là dòng sản phẩm chủ lực của Công ty ngay từ ngày đầu thành lập, lần đầu tiên ra mắt, sản phẩm cà phê hòa tan 3 trong 1 (với ba thành phần chính: cà phê, đường, bột kem), cà phê hòa tan 2 trong 1 (với hai thành phần chính: cà phê,** đường) được người tiêu dùng đón nhận như **một món quà vừa quen thuộc, vừa lạ lẫm khi có thể thưởng thức được ngay ly cà phê nguyên bản** thơm ngon mà không cần **chờ đợi từng giọt** cà phê tí tách như pha phin mà vị **ngon, vị** đậm đà không hề **thua kém – mở ra một bước đột phá và thành công mới cho Vinacafé Biên Hòa.

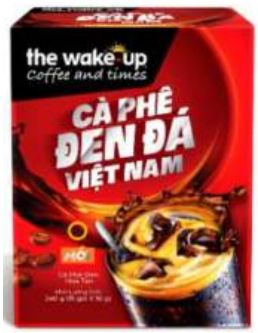

Ngũ cốc dinh dưỡng mang thương hiệu B'fast

Ngũ cốc dinh dưỡng là một trong các sản phẩm truyền thống của Vinacafé Biên Hòa được sản xuất từ năm 2003. ***C****ác loại hạt ngũ cốc có trong sản phẩm cung cấp protein (sắt, chất béo,* ***vitamin), canxi*** *và năng lượng cần thiết; Giàu chất xơ tốt cho hệ tiêu hoá, giảm cholesterol xấu,* ***ng****ăn ngừa nhiều bệnh tật, được xem là bữa ăn nhẹ đầy đủ dưỡng chất cho cả gia đình.* ***Nay có*** *thêm loại ít đường dành cho người ăn kiêng.*

Nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247

Sản phẩm Nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247 là một sản phẩm mới độc đáo – tưởng cũ vì là sản phẩm nước tăng lực – nhưng lại mới khi nó có nguồn gốc từ cà phê. Ngoài việc chứa hàm lượng taurin giúp mang lại sự tỉnh táo cho người dùng như các sản phẩm tăng lực khác, thì

việc kết hợp với cà phê mang lại hương vị thơm ngon dành cho người uống yêu thích cà phê, được xem là món thức uống nhanh được lựa chọn khá nhiều trong cuộc sống hiện đại

---

7. THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022

Giấy chứng nhận về hệ thống quản lý

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện và cải tiến hệ thống quản lý về chất lượng, môi trường, năng lượng, an toàn sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, an toàn thực phẩm thể hiện cam kết cao nhất của Công ty nhằm đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, chất lượng cao, tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm và trách nhiệm với cộng đồng.

Tính đến thời điểm báo cáo, Công ty đã đạt các chứng nhận sau:

- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC).
- Chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn FSSC 22000 v5.1;
- Chứng nhận Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015;
- Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp 45001:2018;
- Chứng nhận Hệ thống Quản lý Trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SA 8000:2014;
- Chứng nhận hệ thống Quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001: 2018;
- Chứng nhận Halal Jakim theo tiêu chuẩn MS 1500:2019;
- Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao - chuẩn hội nhập năm 2018, 2019, 2020, 2021,2022;
- Chứng nhận đăng ký FDA (Hoa Kỳ) 2021;

Giải thưởng đạt được trong năm qua

---

1. Vinacafé Biên Hòa tiếp tục được công nhận là Thương hiệu quốc gia 2022 - 2024, đây là lần thứ 8 liên tiếp (từ 2008 – 2022) Vinacafé Biên Hòa được vinh danh.
2. Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao – chuẩn hội nhập, ngành hàng thực phẩm.
3. Được người tiêu dùng lựa chọn là "Hàng hóa, dịch vụ tin cậy năm 2022" do Hội bảo vệ người tiêu dùng tiến hành khảo sát.

8. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị (bao gồm Ủy ban Kiểm toán) và Tổng Giám đốc.

- Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Vinacafé Biên Hòa có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn và 03 nhà máy sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.

- Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 04 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm, Nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị là từ năm 2020 đến năm 2025.

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

9. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

- **Công ty con:** Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Café De Nam (trước đây tên là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại CDN), địa chỉ trụ sở chính: Lô C I,III -3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
  - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất cà phê, bán máy pha cà phê,…
  - Vốn điều lệ thực góp: 199.700.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Công ty con: 97,77% vốn chủ sở hữu.

  Tuy nhiên đến ngày 28/9/2022, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã chuyển nhượng toàn bộ vốn sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Café De Nam và không còn công ty con.

- **Công ty liên kết:** Không có.

10. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:

Kế hoạch 10 năm 2015-2025:

- Duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê hòa tan tại Việt Nam.
- Xuất khẩu cà phê chế biến đến các thị trường trọng điểm.
- Từng bước thâm nhập thị trường đồ uống có nguồn gốc từ cà phê và các sản phẩm thực phẩm khác.
- Đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu VINACAFÉ, WAKE-UP rộng khắp, lớn mạnh, đủ tầm phát triển.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch 10 năm 2015-2025 ở trên, trong 02 năm tới, bằng khát vọng tiên phong và chiến lược phát triển kinh doanh bền vững, Vinacafé Biên Hòa tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam. Bên cạnh đó, bằng việc sở hữu thương hiệu Vinacafé - giá trị di sản văn hóa Việt - chúng tôi sẽ luôn giữ trọn vẹn thương hiệu đúng với bản chất di sản và luôn bền vững trên giá trị thật tồn tại hơn 55 năm qua, nâng tầm cho nó trở thành một thương hiệu Quốc gia được nhận diện trên toàn thế giới, trở thành biểu tượng của cà phê Việt Nam để người tiêu dùng trên khắp thế giới khi nhắc đến cà phê Việt Nam sẽ nghĩ đến Vinacafé.

Vinacafé Biên Hòa sẽ tiếp tục là một doanh nghiệp lớn, sở hữu nhiều thương hiệu mạnh, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng khắp thế giới bằng sản phẩm chủ lực là cà phê và các sản phẩm thực phẩm, đồ uống, nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê chất lượng cao, giá cả hợp lý trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu của họ và tuân thủ giá trị cốt lõi của Công ty. Đồng thời, Vinacafé Biên Hòa cũng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp rõ ràng, phù hợp, định hướng các mối quan hệ hướng về người tiêu dùng, về xã hội và người lao động, các chủ sở hữu:

- **Đối với thị trường, người tiêu dùng:**
  - Bên cạnh việc luôn đa dạng hóa các mặt hàng sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị hiếu khác nhau của người tiêu dùng, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa luôn quan tâm, chú trọng và phát triển sản phẩm chủ lực, cốt lõi là cà phê. Bằng việc xây dựng hệ thống phân phối sâu, rộng, chuyên nghiệp, chúng tôi cam kết mang đến cho người tiêu dùng các sản phẩm có chất lượng cao, ổn định, an toàn sức khỏe, mức giá hợp lý, cạnh tranh, chất lượng phục vụ tốt nhất. Bên cạnh giá trị chất lượng vượt trội, trong mỗi sản phẩm đều chứa đựng thông điệp văn hóa riêng của Vinacafé Biên Hòa.
  - Trong các năm qua, Công ty xây dựng, thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý về chất lượng, môi trường, năng lượng, an toàn sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, an toàn thực phẩm thể hiện cam kết cao nhất của Công ty nhằm đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, chất lượng cao, tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm và trách nhiệm với cộng đồng, minh chứng cho sự chú trọng của Công ty đối với chất lượng sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Chúng tôi cũng xây dựng một đội ngũ chăm sóc khách hàng để luôn lắng nghe những góp ý, tư vấn và giải quyết các khiếu nại của khách hàng để cải tiến sản phẩm ngày một tốt hơn.
- **Đối với cổ đông và đối tác:** với cách thức quản trị phù hợp với nội tại tình hình phát triển của Công ty trên cơ sở tham khảo và áp dụng nhất quán các thông lệ quốc tế, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Vinacafé Biên Hòa luôn có tầm nhìn chiến lược, cách thức điều hành đúng đắn, hợp lý trong mỗi giai đoạn phát triển kinh doanh. Ở Vinacafé Biên Hòa, chúng tôi xây dựng và duy trì nguồn tài chính vững mạnh, tiến hành các hoạt động tài chính một cách thận trọng cùng với hoạt động kinh doanh tạo lợi nhuận cho Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp Ngân sách cho Nhà nước. Đối với cổ đông, chúng tôi luôn cam kết gia tăng giá trị đầu tư. Đối với đối tác khách hàng, chúng tôi cũng luôn duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các khách hàng, nhà cung ứng, nhà phân phối của mình trên tinh thần các bên cùng có lợi, cùng phát triển, luôn tôn trọng những lợi ích của nhau trong mối quan hệ hợp tác.
- **Đối với người lao động:** Công ty thường xuyên thực hiện các chính sách đãi ngộ hợp lý, cạnh tranh dựa trên giá trị mà đội ngũ nhân sự công ty tạo ra, thể hiện sự tôn trọng của Công

ty đối với nghề nghiệp, cuộc sống, gia đình của mỗi nhân viên, đảm bảo nhân viên có thể yên tâm tập trung phát triển sự nghiệp tại Vinacafé Biên Hòa để tiếp tục tạo ra và chia sẻ những giá trị mới. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật về quyền lợi của người lao động và đáp ứng cao hơn một mức khi tự nguyện thực hiện và đã được cấp Giấy chứng nhận về trách nhiệm và xã hội (SA 8000:2014) đảm bảo người lao động an tâm hơn khi làm việc tại Công ty.

- **Đối với xã hội:** hài hòa lợi ích chung của doanh nghiệp và xã hội, duy trì và phát triển tinh hoa, di sản "cà phê" của văn hóa Việt. Ở Vinacafé Biên Hòa, phát triển kinh doanh phải đi đôi với tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ môi trường cùng trách nhiệm xã hội, điều này thể hiện trách nhiệm của Công ty chúng tôi đối với xã hội và các thế hệ tương lai của mình.

Các giải pháp chiến lược:

Về sản xuất:

- Đầu tư thiết bị máy móc mới, hiện đại và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động. Kiểm soát tốt chi phí theo định mức.
- Cải tiến hệ thống thiết bị máy móc sẵn có, điều chỉnh thông số kỹ thuật máy để phù hợp với chương trình sản xuất hiện tại.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, theo đó, cùng với việc giữ vững sản phẩm cà phê truyền thống, tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê.

Về nguồn nhân lực:

- Luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
- Tuyển dụng nhân tài có chuyên môn giỏi đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng, chăm sóc, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, giỏi nhằm mang tính kế thừa.
- Chú trọng công tác đào tạo nhân lực bằng nhiều hình thức phù hợp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, kỹ năng làm việc của cán bộ công, nhân viên Công ty.
- Hoàn thiện chính sách đãi ngộ người lao động phù hợp để tương xứng với công sức đóng góp cũng như giữ vững sự gắn bó, gắn kết của người lao động với Công ty.

Về thị trường kinh doanh:

- Tối ưu hóa thế mạnh của hệ thống phân phối rộng lớn của Masan.
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu người tiêu dùng để thực hiện phát triển sản phẩm mới, cải tiến các sản phẩm hiện tại ngày càng tốt hơn.
- Mở rộng đối tượng tiêu dùng phân khúc bình dân.
- Tìm kiếm các thị trường xuất khẩu còn nhiều tiềm năng mà sản phẩm Công ty chưa thâm nhập được, đẩy mạnh phân phối hàng ở các thị trường quốc tế hiện tại.
- Công nghệ số hóa trong quản lý doanh nghiệp.

11. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

a) Rủi ro trong hoạt động kinh doanh:

- Hoạt động trồng cà phê tại các vùng nguyên liệu chính của Vinacafé Biên Hòa (Đắk Lắk, Sơn La,…) hiện vẫn chưa được quan tâm đúng mức để duy trì chất lượng hạt cà phê ổn định

và cải thiện năng suất, lại thêm sự bất ổn về giá cà phê trên thế giới dẫn đến giá cà phê nhân trong 05 năm trở lại đây bất ổn, khó dự báo ảnh hưởng đến việc trữ hàng nguyên liệu và giá thành sản phẩm của Công ty. Do đó, điều này đặt ra áp lực cho Ban điều hành phải cẩn trọng, linh hoạt xem xét, lựa chọn thời điểm thích hợp để mua nguyên liệu để có giá tốt nhất nhằm hạn chế mọi rủi ro về nguyên liệu sản xuất.

b) Rủi ro pháp luật

Vinacafé Biên Hòa chịu sự tác động của nhiều luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Hóa chất, Luật Thương mại, Luật Môi trường… Những luật này thường xuyên được chỉnh sửa do đó trong quá trình hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty luôn liên tục theo dõi và cập nhật để kịp thời điều chỉnh quy định nội bộ, điều lệ phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

c) Rủi ro tỷ giá

- Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có thể chịu rủi ro biến động tỷ giá, biến động lãi suất, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro thanh khoản.
- Để giảm thiểu rủi ro tỷ giá Công ty luôn theo sát diễn biến tỷ giá trên thị trường từ đó cân đối các khoản thu chi bằng ngoại tệ hoặc sử dụng các công cụ tài chính thích hợp để giảm thiểu rủi ro.

d) Rủi ro cạnh tranh

- Những năm gần đây, số lượng công ty sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cà phê hòa tan tại thị trường trong nước phát triển mạnh, gây khó khăn cho việc giữ vững và mở rộng thị phần của công ty. Thị trường cà phê hòa tan đang dần trở thành thị trường bão hòa đối với các Công ty sản xuất cà phê trong và ngoài nước trong bối cảnh người tiêu dùng Việt Nam đang hình thành thói quen uống cà phê mỗi ngày bên cạnh các sản phẩm đồ uống nhanh khác. Các công ty sản xuất cà phê trong nước luôn có cách thức hấp dẫn người tiêu dùng bằng các hình thức như giảm giá, quảng cáo, khuyến mại,… Bên cạnh đó phải kể đến sự thâm nhập thị trường cà phê Việt Nam của các công ty đa quốc gia có lợi thế về nguồn tài chính, công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm và hệ thống phân phối ở thị trường nước ngoài hoặc chuỗi cửa hàng cà phê mang phong cách hiện đại khá thu hút đối tượng khách hàng là giới trẻ.
- Trong ngành hàng, nhiều loại sản phẩm nước giải khát uống liền mới ra đời với mong muốn thay thế vị trí của cà phê như trà xanh uống liền, trà bí đao, nước ép đóng lon và cả cà phê đóng lon.
- Để nâng cao năng lực cạnh tranh, Vinacafé Biên Hòa chú trọng giữ vững chất lượng sản phẩm song song với việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, cải tiến phát triển sản phẩm mới để đa dạng sản phẩm.

e) Rủi ro về thay đổi hành vi tiêu dùng

- Thói quen sử dụng cà phê, các sản phẩm ngũ cốc dinh dưỡng, nước giải khát lại khác nhau về gu uống; khẩu vị theo từng vùng miền; độ tuổi;…do đó người tiêu dùng sẵn sàng thay đổi thương hiệu đang sử dụng nếu các nhãn hàng khác có những ưu điểm nổi bật hơn về chất lượng, khẩu vị, quảng cáo khuyến mại… Vì thế, Vinacafé Biên Hòa luôn thúc đẩy nghiên cứu, phân tích thị hiếu người tiêu dùng và thay đổi/cải tiến sản phẩm để đáp ứng nhu cầu sử dụng khác nhau của khách hàng.

f) Rủi ro bất khả kháng

- Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, cháy nổ, … là những rủi ro bất khả kháng và nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về con người, về tài sản và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho người lao động; bảo hiểm về tài sản, nhà xưởng; lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

HƯƠNG VỊ ĐẬM MẠNH
ĐẬP TAN
LỜ ĐỜ UỂ OẢI
SAU GIỜ TRƯA
NGON HƠN KHI UỐNG VỚI ĐÁ
wake-up
the coffee innovator
247
NƯỚC TĂNG LỰC VỊ CÀ PHÊ

PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

a) Nhận định tình hình kinh tế xã hội năm 2022

Tình hình kinh tế xã hội trong năm 2022 của Việt Nam đã từng bước phục hồi, tăng trưởng trở lại và ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực, tuy vậy với sự biến đổi của tình hình thế giới đem lại nhiều thuận lợi và thời cơ cùng khó khăn thách thức:

- Thuận lợi: Nước ta đã kiểm soát tốt dịch bệnh Covid 19 nhờ công tác tiêm ngừa phòng dịch bệnh được đẩy nhanh, an toàn và hiệu quả, nhanh chóng thích ứng an toàn và bình thường hóa với dịch bệnh. Kinh tế vĩ mô đang từng bước phục hồi ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát.
- Khó khăn:
  - Ảnh hưởng từ các cuộc căng thẳng về chính trị tại các nước Châu Âu đã khiến giá dầu tăng cao làm tăng giá cước vận chuyển và tăng giá đầu vào của các nguyên vật liệu nhập ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và hoạt động cung ứng, xuất khẩu hàng hóa, gia tăng giá thành sản phẩm. Chiến lược Zero Covid của chính phủ Trung Quốc cũng khiến cho việc xuất khẩu hàng qua Trung Quốc của công ty bị ảnh hưởng mạnh mẽ.
  - Hoạt động trồng cà phê tại các vùng nguyên liệu chính của Vinacafé Biên Hòa (Đắk Lắk, Sơn La,…) hiện vẫn chưa được quan tâm đúng mức để duy trì chất lượng hạt cà phê ổn định và cải thiện năng suất, lại thêm sự bất ổn về giá cà phê trên thế giới dẫn đến giá cà phê nhân trong 05 năm trở lại đây bất ổn, khó dự báo ảnh hưởng đến việc trữ hàng nguyên liệu và cân đối giá thành sản phẩm của Công ty năm vừa qua.
  - Thị trường tiêu thụ nội bộ tiếp tục chịu sự cạnh tranh khốc liệt bởi sự thâm nhập thị trường cà phê Việt Nam của các công ty đa quốc gia có lợi thế về nguồn tài chính, công nghệ, nghiên cứu phát triển sản phẩm và hệ thống phân phối ở thị trường nước ngoài hoặc chuỗi cửa hàng cà phê mang phong cách hiện đại thu hút phân khúc khách hàng giới trẻ…

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Kết thúc năm 2022, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh với chỉ tiêu Doanh thu thuần và Lợi nhuận sau thuế của Công ty đã đạt được cụ thể như sau:

SO SÁNH KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022 SO VỚI NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022 (mức thấp)	Thực hiện năm 2022 (*)	% Thực hiện 2022/kế hoạch 2022	Tỷ lệ tăng trưởng 2022/2021
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	**2.500**	**2.207**	88,3%	- 0,4%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	**500**	**319**	63,8%	- 27,6%

- Doanh thu thuần đạt 2.207 tỷ đồng giảm 0,4% so với năm 2021 và bằng 88,3% so với kế hoạch doanh thu thuần năm 2022 ở mức thấp;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 319 tỷ đồng, giảm 27,6% so với năm 2021 và bằng 63,8% kế hoạch năm 2022 mức thấp.

Tăng trưởng thấp của ngành hàng ngũ cốc dinh dưỡng cấn trừ với mức giảm nhẹ của ngành hàng cà phê hòa tan và nước tăng lực giúp Công ty duy trì được doanh thu thuần năm 2022 tương đương năm trước. Tuy nhiên, chi phí đầu nguyên vật liệu đầu vào tăng cao hơn do ảnh hưởng của yếu tố lạm phát, chi phí logictis tăng đã tác động làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 thấp hơn 11%.

Ngoài ra, thực hiện việc tái cấu trúc trong nội bộ của Tập đoàn Masan, trong năm Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích trong công ty con cho đối tác sau khi trích lập khoản dự phòng.

Lạm phát tăng, chi tiêu thắt chặt đã ảnh hưởng bất lợi không chỉ đến kết quả kinh doanh của Công ty mà còn tác động tiêu cực các khách hàng và nhà phân phối của Công ty. Do đó, việc chủ động giảm doanh thu trong ngắn hạn cũng sẽ giúp khách hàng và nhà phân phối giảm số ngày tồn kho trở lại mức bình thường, giảm áp lực tiêu thụ để tạo đà cho Công ty có thể vượt qua thử thách trong nửa đầu năm 2023 và tạo bước đệm cho phát triển các sản phẩm chủ lực của Công ty.

Các sản phẩm chủ lực của Công ty với các nhãn hiệu Vinacafé, Wakeup tiếp tục phát triển tốt, mang lại kết quả doanh thu cho Công ty. Sản phẩm Cà phê hòa tan 3 trong 1 Gold Original được tung mới dành riêng cho người tiêu dùng tại thị trường khu vực miền Bắc với khẩu vị đậm đặc, thơm ngon đặc trưng.

Tháng 12/2022, Công ty vinh dự được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn năm 2022-2024. Điều này đã khẳng định được vị thế của Công ty trên thị trường café trong nước cũng như khẳng định giá trị thương hiệu, giá trị chất lượng sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa.

(*) Trong năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Café De Nam và Công ty Cổ phần Café De Nam không còn là công ty con của Công ty. Do đó, kết quả tài chính và tính hình tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày không bao gồm công ty con.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

a) Ban điều hành: Danh sách Ban điều hành Công ty cụ thể gồm 02 thành viên:

1. **Họ và tên: Ông ĐOÀN QUỐC HƯNG**
   Giới tính: Nam
   Năm sinh: 1972
   Chức vụ: Tổng Giám đốc
   Tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty: 0%

2. **Họ và tên: Bà PHAN THỊ THÚY HOA**
   Giới tính: Nữ
   Năm sinh: 1977
   Chức vụ: Kế toán Trưởng
   Tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty: 0%

b) Chính sách lao động:

Những thành công mà Vinacafé Biên Hòa đạt được hôm nay đều được tạo nên bởi tài sản quý giá nhất, đó chính là nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề, đam mê công việc và luôn gắn bó với Công ty dù trải qua nhiều giai đoạn khó khăn. Ngược lại, Công ty luôn xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo ra môi trường làm việc năng động, công bằng, thúc đẩy thành công.

Tính đến hết ngày 31/12/2022, Công ty có 245 cán bộ công nhân viên, trong đó có 56 nữ chiếm 23% lao động toàn Công ty.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ:

Chỉ tiêu	Số lượng
Đại học	73
Cao đẳng, trung cấp, trung cấp nghề	106
Lao động phổ thông	66
Tổng cộng	**245**

Cơ cấu lao động phân theo tuổi:

Chỉ tiêu	Số lượng
Dưới 25 tuổi	14
Từ 25 đến dưới 30	11
Từ 30 đến dưới 35	43
Từ 35 đến dưới 40	54
Từ 40 tuổi	123
Tổng cộng	**245**

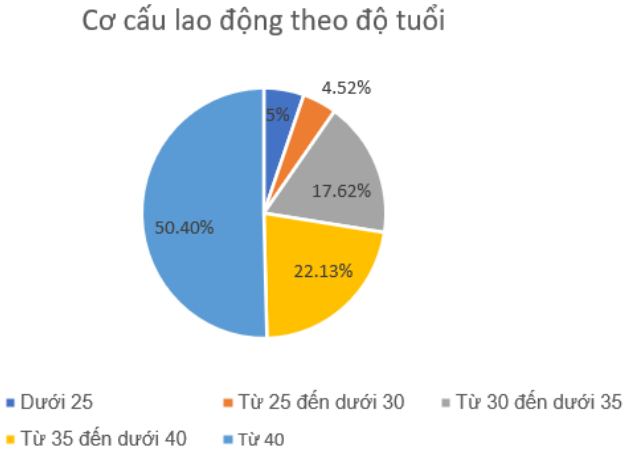

- **Chế độ làm việc và bảo đảm việc làm:**

- Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động và tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất, đảm bảo tạo mọi điều kiện để nhân viên phát triển, thăng tiến trong nghề nghiệp
- Tất cả nhân viên đều được đối xử bình đẳng và được bảo vệ thích đáng trước mọi hành vi phân biệt đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp.
- Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.
- Chính sách nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong việc giữ chân người lao động, đặc biệt trong thị trường lao động cạnh tranh như hiện nay, do đó, Công ty luôn chú trọng cải tiến chính sách lương, thưởng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực để mọi người lao động đều có cơ hội thể hiện và phát triển được năng lực cá nhân.

- **Phương thức nhằm tăng cường sự gắn bó của nhân viên với doanh nghiệp**

- Cơ hội thăng tiến, đảm bảo thu nhập, môi trường làm việc của nhân viên: Công ty xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên và luôn tạo điều kiện để nhân viên có cơ hội

phát triển trong công việc. Nhân viên được xem xét đề bạt lên vị trí cao hơn khi có vị trí trống và năng lực của nhân viên phù hợp với vị trí được đề bạt

- Đặt mục tiêu rõ ràng và xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng đến mục tiêu.
- Ghi nhận những đóng góp của nhân viên với Công ty thông qua các hoạt động khen thưởng đột xuất, khen thưởng kết quả làm việc cuối năm, các cuộc thi Kaizen (cải tiến sản xuất) định kỳ mỗi tháng;
- Các chương trình đào tạo bên ngoài, chương trình nghỉ mát hàng năm (trừ thời điểm dịch Covid), hoạt động sinh hoạt tập thể, hoạt động tổ chức mừng ngày thành lập Công ty, 20/10, 08/3 giúp nâng cao tinh thần tập thể, cùng nhau tạo nên sức mạnh.
- Xây dựng và phát triển văn hóa chia sẻ, cấp quản lý truyền lửa, truyền cảm hứng cho nhân viên. Ở Vinacafé Biên Hòa có rất nhiều buổi đào tạo nội bộ có người đứng lớp là thành viên Ban điều hành, Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng, Trưởng bộ phận SHE (An toàn – sức khỏe- môi trường), Phó Giám đốc Sản xuất.
- Tạo điều kiện cho nhân viên có thể cân bằng công việc và cuộc sống.

Chính sách về nhân sự, phúc lợi

- Trong chiến lược nhân sự: tuyển dụng và bổ nhiệm đúng năng lực, đúng vị trí; trả công xứng đáng với năng lực làm việc và thành tích đóng góp. Tuyển dụng nhân sự luôn ưu tiên nguồn nhân lực nội bộ trước (đề bạt) là hình thức thúc đẩy, động viên nhân viên phát huy hết khả năng, sở trường cá nhân và có cơ hội phát triển bản thân.
- Về chế độ lương, thưởng: cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nhân sự. Việc điều chỉnh lương được công ty xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của cán bộ công nhân viên và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Về điều kiện làm việc: Văn phòng, nhà xưởng của Công ty ở cả 03 nhà máy đều rộng rãi, thoáng mát, trang bị máy móc thiết bị hiện đại tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên làm việc và sáng tạo.
    - Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khối văn phòng), Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/ tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức làm việc theo ca. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về ngày, giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.
    - Các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự thoải mái và phấn khởi, vui tươi trong cán bộ, công nhân viên (hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng tại các địa điểm du lịch, tổ chức cắm trại cho đoàn viên thanh niên, tổ chức dã ngoại cho các cháu thiếu nhi vào ngày quốc tế thiếu nhi,…).
    - Công ty tổ chức xe đưa đón hàng ngày cho các nhân viên tuyến Long Thành – Biên Hòa và Thành phố Hồ Chí Minh – Biên Hòa.
- Về bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mua thêm Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả người lao động. Ngoài ra đối với cán bộ nhân viên cấp chuyên viên trở lên, Công ty có mua thêm Bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm

sóc sức khỏe nhân viên tốt hơn. Mỗi năm, Công ty đều tổ chức tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất 1 lần, khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật, các chế độ thăm viếng, hiếu hỉ, các sự kiện khác diễn ra trong đời sống của cán bộ công nhân viên như: kết hôn, thai sản, sinh nhật, ốm đau,…

- Về an toàn lao động: khi làm việc tại Công ty, người lao động được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ người lao động về hành vi an toàn lao động khi mới chính thức gia nhập Công ty và trong suốt quá trình làm việc. Trong năm 2022, bộ phận An toàn- Sức khỏe- Môi trường của Công ty ("bộ phận SHE") đã tổ chức huấn luyện các lớp về an toàn lao động cho tất cả CBCNV làm việc tại Công ty:
    - Huấn luyện an toàn sử dụng thiết bị áp lực, nồi hơi
    - Huấn luyện an toàn sử dụng thiết bị nâng
    - Huấn luyện an toàn làm việc trên cao
    - An toàn điện
    - An toàn thiết bị cơ khí
    - An toàn làm việc trong không gian hạn chế
    - An toàn sử dụng hóa chất
    - An toàn cho tài xế, nhân viên bếp
    - An toàn vệ sinh lao động

Các hình ảnh CBCNV công ty tham gia diễn tập định kỳ về phòng cháy chữa cháy; phong trào sinh hoạt tập thể teambuilding, tham gia giải bóng đá Masan 2022 tranh siêu cúp Chinsu 20

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Năm 2022 không phát sinh các dự án trọng yếu nào.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (tỷ VNĐ)	Năm 2021 (tỷ VNĐ)	% tăng/ giảm
1	Tổng tài sản	2.106	2.024	4%
2	Doanh thu thuần	2.207	2.215	-0,4%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	400	551	-27%
4	Lợi nhuận trước thuế	339	552	-28%
5	Lợi nhuận sau thuế	319	441	-28%
6	Tỷ lệ lợi chi trả cổ tức		250%	

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng/ giảm
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	4,04	2,18	85%
	+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,19	1,84	73%
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	21%	34%	-13%
	+Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	27%	51%	-24%
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	+Vòng quay Hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	5,68	7,11	-20%
	+Doanh thu thuần/ tổng tài sản	1,07	1,05	2%
	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	14%	20%	-6%
	+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	21%	30%	-9%
	+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	18%	25%	-7%
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	15%	21%	-6%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

a) Thông tin cổ phần:

Tổng số cổ phần	26.579.135
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Tổng số cổ phần đang lưu hành	26.579.135
Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	0
Số lượng cổ phiếu quỹ	0

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu (*)	Tỉ lệ
1	Cổ đông trong nước	310	26.403.377	99,34%
	Cổ đông lớn trong nước: Công ty ***TNHH MTV Masan Beverage***		***26.257.975***	***98,79%***
2	Cổ đông nước ngoài	80	175.758	0,66%
	Cổ đông lớn nước ngoài: ***không có***		***0***	***0***
	Tổng cộng	**390**	**26.579.135**	

(*) theo danh sách cổ đông chốt ngày 10/3/2022 và số lượng cổ phần tại thời điểm 31/12/2022.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không phát sinh thay đổi vốn đầu tư.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Sản phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và mối quan tâm xã hội luôn là tiêu chí quan trọng của Công ty trong suốt quá trình kinh doanh. Đối với Vinacafé Biên Hoà, chúng tôi luôn xác định Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi biết kết hợp tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh kết hợp với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Bên cạnh mục đích sản xuất, Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên ưu tiên hàng đầu. Trong suốt thời gian hoạt động, Vinacafé Biên Hòa luôn tuân thủ đúng và đầy đủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam.

a) Tác động lên môi trường:

- Hệ số phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp (bao gồm hệ số CO_2, CH_4, N_20): 9,83 ton/ton.
- Các biện pháp bảo vệ môi trường đối với không khí hiện Công ty đang áp dụng:
  - Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Việc sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo nằm trong định mức mà Tổng Giám đốc đã đề ra. Mỗi dây chuyền sản xuất được thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh kịp thời tình hình sử dụng không hợp lý.
  - Duy trì mật độ diện tích cây xanh bao phủ các nhà máy của Công ty là 20% theo quy định. Thường xuyên chăm sóc và tái tạo trồng cây xanh nhằm tạo sự thoáng mát trong khuôn viên Nhà máy cũng như ngăn bụi phát tán ra môi trường xung quanh.
  - Kiểm soát nghiêm ngặt và thực hiện quan trắc nguồn khí thải phát ra từ hoạt động sản xuất của Công ty đạt tiêu chuẩn của QCVN 19:2009/BTNMT.
  - Sử dụng các máy móc, thiết bị với công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa các nguồn phát thải trong quá trình sản xuất
  - Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý và thường xuyên bảo trì thiết bị, tránh tình trạng hoạt động quá tải của thiết bị gây ảnh hưởng đến môi trường
  - Nhà xưởng, các khu vực sản xuất, sân đường nội bộ luôn được vệ sinh quét dọn thường xuyên.
  - Lắp đặt các quạt công nghiệp, quạt thông gió tại khu vực sản xuất, tạo sự thông thoáng trong nhà xưởng
  - Các phương tiện giao thông ra vào Công ty phải giảm tốc độ và đậu đúng vị trí quy định. Khi bốc dỡ hàng hóa, yêu cầu lái xe phải tắt máy xe, sau khi bốc dỡ các loại vật liệu xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

b) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng chi phí mua nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm: 1.492 tỷ đồng.
- Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được đáp ứng theo tiêu chuẩn của Công ty. Các nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất đều được Phòng Quản lý chất lượng của Công ty kiểm tra, thẩm định chất lượng. Trong quá trình sản xuất, nguyên vật liệu được kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các bộ phận sản xuất, cung ứng thông qua các báo cáo hàng ngày, hàng tuần như báo cáo nhập xuất tồn nguyên liệu, tiêu hao so với định mức, cân đối nguyên liệu sản xuất – thành phẩm nhằm đảm bảo sử dụng tiết kiệm, không thất thoát.

- Chúng tôi cũng có kế hoạch tái sử dụng nguyên vật liệu dư thừa, không còn sử dụng: bã cà phê kết thúc chu trình sản xuất sau khi thải ra sẽ được một đơn vị đến thu gom bã để sản xuất phân bón hữu cơ; đưa vỏ trấu cà phê sau công đoạn rang, sàng làm nguyên liệu đầu vào của lò hơi Biomass để tiết kiệm nguyên liệu đốt lò;….

c) Tiêu thụ năng lượng:

- Tổng lượng điện sử dụng trong năm 2022: 7.628.510 Kwh, nguồn cung cấp: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.
- Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2022: 161.436 m^3, nguồn cung cấp: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm điện và nước trong sinh hoạt và sản xuất. Hiện tại Công ty đang tái sử dụng một phần nước thải đạt chuẩn A theo QCVN 40:2011 sau xử lý của Nhà máy Long Thành để tưới cây, cỏ trong khuôn viên nhà máy.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Ngoài công tác nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường để hướng tới doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường. Theo đó Công ty có bộ phận chuyên trách về môi trường có trình độ chuyên môn cao. Tất cả người lao động đều được phổ biến, hướng dẫn cách phân loại rác tại nguồn trong sản xuất và hoạt động văn phòng cũng như các quy định về vệ sinh môi trường.
- Các nhà máy của chúng tôi đều thực hiện đánh giá tác động môi trường, Cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Trong suốt quá trình hoạt động các nhà máy đều thực hiện quan trắc nước thải, khí thải,…theo đúng quy định và tất cả các chỉ tiêu về nước thải, khí thải đều đạt quy định.
- Nhằm tăng cường giám sát và quản lý tốt hơn về môi trường, Công ty đã triển khai thành công Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 cho các nhà máy và được tổ chức Intertek công nhận.
- Nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.
- Khí thải được xử lý đạt tiêu chuẩn của cột B QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại,… phát sinh trong Công ty được phân loại, thu gom và chuyển giao xử lý theo đúng quy định của pháp luật.
- Để đảm bảo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động, Công ty tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật để thông thoáng nhà xưởng, giảm độ ồn. Đồng thời thực hiện đo đạc các thông số về môi trường làm việc định kỳ theo yêu cầu của pháp luật.
- Năm 2022, kết quả quan trắc môi trường về nước thải, khí thải,…đều đạt trong giới hạn cho phép và Công ty cũng không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Một góc ***khuôn viên nhà máy Long Thành*** ***(****Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long* ***Thành****, tỉnh Đồng Nai****)***

e) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã thực hiện nhiều hoạt động hướng về cộng đồng trong địa phương, cụ thể:

- Chăm lo Tết Quý Mão 2023 cho người có hoàn cảnh khó khăn: Kết hợp với Phòng An Ninh Kinh tế – Công An tỉnh Đồng Nai, Công an thành phố Biên Hòa, chính quyền địa phương Phường An Bình, Phường Bình Đa tặng quà tết cho người có hoàn cảnh khó khăn.
- Tham gia cùng khối Thi đua 16 - Ban Thi đua Khen thưởng Tỉnh Đồng Nai xây dựng 02 căn nhà Tình Thương cho người nghèo, trị giá 60 triệu đồng/căn tại xã Bảo Quang – Thành phố Long Khánh, Đồng Nai và xã Đăk Lua huyện Tân Phú, Đồng Nai.

Đại diện Công ty CP Vinacafé Biên Hòa trao tặng mái ấm tình thương tại xã Bảo Quang, thành phố Long Khánh, Đồng Nai.

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

TẦM NHÌN

Luôn luôn đổi mới để cách mạng hóa cách thưởng thức cà phê của hàng triệu người Việt Nam và toàn thế giới với ly cà phê nguyên bản ngon độc đáo kiểu Việt Nam.

1. ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2022

Năm 2022 tiếp tục chứng kiến sự khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng do khủng hoảng tiếp tục kéo dài sau đại dịch Covid 19, sức mua của người dân giảm sút mạnh, thắt chặt chi tiêu xảy ra hầu hết cho các ngành hàng, không chỉ riêng ngành thực phẩm và đồ uống. Thêm vào đó, chính sách Zero Covid của chính phủ Trung Quốc và các cuộc xung đột chính trị trên thế giới khiến giá nguyên vật liệu chi phí vận chuyển, logistic tăng cao, tác động đáng kể tới kết quả kinh doanh của công ty.

Dù cho những biến động, khó khăn này đã được Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty dự báo từ cuối năm 2021, tuy vậy, sự suy giảm sức mua của người tiêu dùng đã khiến việc sản xuất và kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức, theo đó, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đạt được mức doanh thu tương đương năm 2021, tuy vậy, vẫn thấp hơn kế hoạch đã đặt ra, cụ thể như sau:

	Đvt	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	Biến động	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.207	2.215	(8)	-0,4%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	319	440	(121)	-28%

	Đvt	Kế hoạch 2022 (*)	Thực hiện 2022	Thực tế so với kế hoạch	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.500	2.207	-293	-12%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	500	319	-181	-60%

(*) kế hoạch kinh doanh 2022 mức thấp

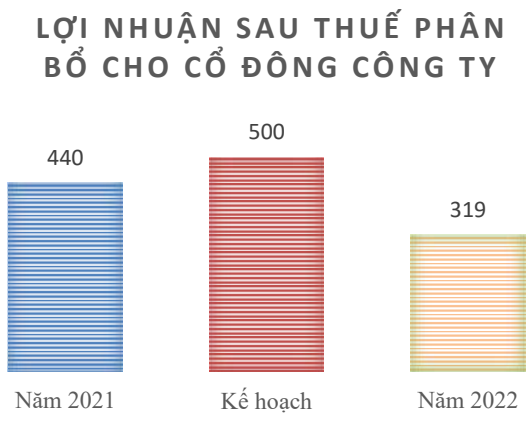

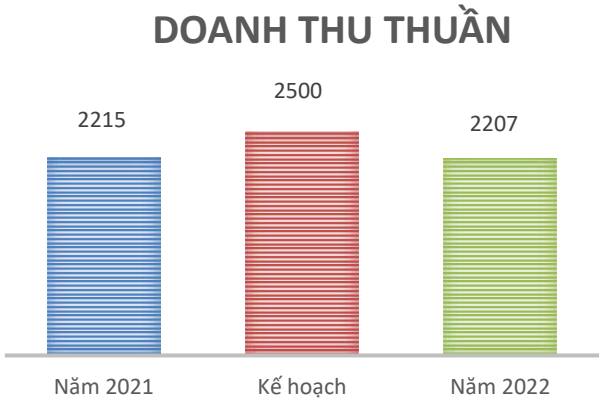

Một số điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2022:

1. Lợi nhuận thuần trước thuế giảm hơn 10% do biên lãi gộp giảm vì chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao so với các phát kiến tiết giảm, tối ưu chi phí sản xuất, chi phí hoạt động kinh doanh.
2. Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính giảm 97 tỷ, nguyên nhân do khoản dự phòng đầu tư vào công ty con cao hơn năm trước.
3. Kiên định với mô hình xây dựng thương hiệu và sử dụng hệ thống phân phối rộng khắp của Masan Consumer và hệ thống bán lẻ lớn nhất Việt Nam của WinCommerce tạo thành lợi thế cạnh tranh về phân phối, tiếp cận thị trường và hiểu người tiêu dùng.
4. Duy trì và các chương trình cải tiến để giảm chi phí sản xuất bù đắp cho phần gia tăng chi phí nguyên vật liệu.
5. Năm 2022, Vinacafé Biên Hòa tiếp tục vinh dự được chứng nhận là doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia 2022-2024 và đây là lần thứ 8 liên tiếp Công ty được vinh danh (từ 2008 đến 2022). Đây là giải thưởng cao quý giúp khẳng định và nâng tầm vị trí thương hiệu Vinacafé Biên Hòa tại thị trường tiêu thụ nội địa và thế giới.
6. Công ty luôn cập nhật, duy trì và nâng cấp lên các phiên bản mới nhất các hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, xã hội và phát triển bền vững như: BRC, FSSC 22000, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018, ISO 45001:2018, SA 8000:2014, FDA, Halal để sẵn sàng cho việc thâm nhập các thị trường khó tính, yêu cầu cao như EU và Bắc Mỹ và phù hợp xu thế và yêu cầu ngày càng gia tăng cả ở trong nước lẫn quốc tế về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội, thành tựu kinh doanh đi kèm với bảo vệ môi trường và cộng đồng.

2. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2023

Bước sang năm 2023, xung đột chính trị vẫn là yếu tố ảnh hưởng tới giá cả nguyên vật liệu, điểm tích cực là Trung Quốc đã mở cửa trở lại và từ bỏ chính sách zero Covid, tuy vậy sức mua người tiêu dùng vẫn đang suy giảm và trong xu thế thắt chặt chi tiêu, ban điều hành công ty Vinacafé Biên Hòa cân nhắc thận trọng các yếu tố và đề xuất mục tiêu kinh doanh cho năm 2023 như sau:

		Thấp	Cao
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.500	3.000
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	380	500

3. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH NĂM 2023

1. Innovation – Sáng tạo sản phẩm – vẫn là động lực tăng trưởng chính, theo đó, Vinacafé Biên Hòa tìm cơ hội kinh doanh trong thị trường café rang xay truyền thống và:

i. Đáp ứng nhu cầu, xu hướng tiêu dùng về các sản phẩm ngũ cốc có hạt tốt cho sức khỏe.

ii. Các sản phẩm Ready to drink trên nền tảng café.

2. Thâm nhập vào các thị trường châu Á.
3. Tiếp tục tối đa hóa công suất và năng lực sản xuất của các nhà máy café hòa tan để tối ưu giá thành sản xuất.
4. Digital Transformation – Chuyển đổi số - thiết lập nên tảng cạnh tranh chiến lược cho công ty trong 5 năm tới.
5. Sustainable Growth – Phát triển bền vững – Masan và Vinacafé Biên Hòa quan tâm sâu sắc tới môi trường cũng như là cộng đồng, nỗ lực áp dụng các giải pháp sản xuất xanh trong toàn hệ thống, thông qua việc duy trì và nâng cấp các hệ thống về quản lý môi trường và phát triển bền vững ISO 14001:2015, ISO 50001:2018, ISO 45001:2018, SA 8000:2014 và tin tưởng mạnh mẽ rằng thành tựu kinh doanh sẽ đi cùng với bảo vệ môi trường và cộng đồng.

Đại diện Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa nhận biểu trưng Thương hiệu quốc gia năm 2022 ***(tháng 12/2022).***

PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

a) Đánh giá của Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty trong năm 2022:

- Năm 2022 mặc dù dịch bệnh đã được kiểm soát nhưng nền kinh tế sau dịch bệnh vẫn còn rất khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Hội đồng Quản trị đã từng bước chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm giúp Ban điều hành tổ chức hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, Công ty hoạt động ổn định, thúc đẩy hiệu quả quá trình hiện thực hóa các định hướng chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh, tận dụng tốt cơ hội từ những thay đổi của thị trường, đảm bảo thu nhập và việc làm ổn định cho người lao động. Trong năm qua, Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, môi trường, phòng cháy chữa cháy,… không xảy ra bất cứ sự cố vi phạm nào.
- Các chỉ tiêu chính đã đạt được:

	Đvt	2022	2021	So sánh	
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	265	265	-	-
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.663	1.344	319	24%
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.106	2.024	82	4%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.207	2.215	(8)	-0,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	400	551	(151)	-27%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	399	552	(153)	-28%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	319	441	(122)	-28%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	12.006	16.579	(4.573)	-28%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%		250%		

b) Báo cáo kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị:

- Trên cơ sở các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt và căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, trong năm 2022 Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác giám sát Ban điều hành; công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược sản xuất, kinh doanh, đầu tư,… một cách cẩn trọng, nghiêm túc và quyết liệt, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Tập đoàn Masan, của Công ty. Các thành viên đều có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng phát triển Công ty.
- Hội đồng Quản trị cũng đã hoạch định chủ trương và chiến lược kinh doanh sát với biến động của thị trường, có phản ứng điều chỉnh nhanh nhạy, kịp thời giúp giải quyết một

cách hiệu quả các vấn đề, mang lại hiệu quả hoạt động chung của Công ty và giữ vững vị thế của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa trong ngành.

c) Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty.

- Năm 2022 là một năm sản xuất, kinh doanh khó khăn, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn kịp thời cập nhật, dự báo những khó khăn, vướng mắc kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; tập trung chủ động nghiên cứu các giải pháp cải tiến kỹ thuật, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, bố trí nguồn nhân lực phù hợp, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất, cải tiến bao bì sản xuất; chủ động sản xuất hàng hóa đảm bảo ổn định nguồn cung ra thị trường ngay cả thời điểm cao điểm nhất.
- Trong quá trình quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh, Ban điều hành luôn thận trọng và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chính sách chung của Tập đoàn.
- Hội đồng Quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, vai trò qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị. Các chỉ đạo mà Hội đồng Quản trị đưa ra đều được Ban điều hành triển khai đầy đủ, nhanh chóng, hiệu quả và báo cáo chi tiết kết quả tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ với tinh thần trách nhiệm cao.

2. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

- Đặt trọng tâm vào việc đột phá, sáng tạo trong việc phát triển phẩm mới, đáp ứng "các nhu cầu chưa được thỏa mãn" của người Việt Nam
- Đẩy mạnh ngành hàng nước giải khát dựa trên sản phẩm chủ lực là cà phê.
- Các sản phẩm cà phê, từ cà phê, các sản phẩm thực phẩm và đồ uống mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc xây dựng thương hiệu và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Wake-up
PHIL
CAFÉ VIỆT
THƠM, ĐẬM, SÁNH

PHẦN 5: HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu thành phần Hội đồng Quản trị:

Tên thành viên	Năm sinh	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Phạm Hồng Sơn	1963	Chủ tịch HĐQT	26.257.975	98,79% *(đại diện cho cổ đông lớn* ***Công ty TNHH MTV Masan Beverage)***
Nguyễn Hoàng Yến	1963	Thành viên	0	0%
Hồ Thúy Hạnh	1971	Thành viên	0	0%
Huỳnh Công Hoàn	1972	Thành viên	0	0%

Chức danh mà các thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ tại các công ty khác.

Tên thành viên	Chức vụ	Tên Công ty
PHẠM HỒNG SƠN Chủ tịch HĐQT	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Masan HD
	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Masan MB
	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan Jinju
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Masan HG
	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH MTV Masan Beverage
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH MTV Thực phẩm Masan
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH Masan HPC
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH Masan Innovation
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Hi-Fresh

	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Giặt ủi chuyên nghiệp Joins Pro
	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Masan HN
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Masan HG 2

Tên thành viên	Chức vụ	Tên Công ty
NGUYỄN HOÀNG YẾN Thành viên HĐQT	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan
	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
	Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
	Thành viên Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Bột giặt NET
	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Masan PQ
	Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc	Công ty TNHH Cát Trắng
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc
	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Masan Long An

Tên thành viên	Chức vụ	Tên Công ty
HỒ THÚY HẠNH Thành viên HĐQT	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Masan Jinju
	Kiểm soát viên	Công ty TNHH MTV Masan HD
	Thành viên HĐQT và Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo

Tên thành viên	Chức vụ	Tên Công ty
HUỲNH CÔNG HOÀN Thành viên HĐQT	Không có	

b) Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2022:

- Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Tổng Giám đốc.

- Theo Điều lệ, Hội đồng Quản trị Công ty hoạt động theo nhiệm kỳ 5 năm, gồm từ 03 đến 11 thành viên. Nhiệm kỳ 2020-2025 Hội đồng Quản trị có 04 thành viên và tổ chức họp thường kỳ mỗi quý một lần tại trụ sở chính của Công ty. Giữa các kỳ họp định kỳ, để giải quyết các công việc cần có ý kiến phê duyệt kịp thời của thành viên liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, quản lý công ty, Hội đồng Quản trị đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết các thành viên bằng văn bản. Các cuộc họp, lấy ý kiến Hội đồng Quản trị luôn được tổ chức, thảo luận một cách công khai và dân chủ. Thành viên Hội đồng Quản trị luôn tham gia họp, biểu quyết đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao và cùng với kinh nghiệm quản lý của mình đã đánh giá thảo luận thấu đáo, chi tiết và cẩn trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra Nghị quyết, Quyết định và luôn đảm bảo tính kịp thời.
- Theo đó trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã thực hiện hiệu quả công việc:
  - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
  - Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh của Công ty.
  - Tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, tình hình sản xuất kinh doanh của quý và lũy kế, thảo luận thông qua các Nghị quyết để Tổng Giám đốc làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Hội đồng Quản trị ban hành tổng cộng 07 Nghị quyết, Quyết định để thông qua các nội dung sau:
  - Chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) để tham dự Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 và phê duyệt các vấn đề để trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.
  - Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022.
  - Phê duyệt cơ cấu tổ chức mới của Công ty.
  - Phê duyệt việc trích lập quỹ dự phòng tổn thất khoản đầu tư đối với khoản đầu tư của Công ty.
  - Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.
  - Quyết định bán toàn bộ cổ phần sở hữu tại Công ty con.
- Năm 2022, không phát sinh giao dịch liên quan giữa Công ty và thành viên Hội đồng Quản trị cũng như người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị.

2. ỦY BAN KIỂM TOÁN

a) Danh sách và cơ cấu thành phần Ủy ban kiểm toán:

Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị và có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

Tại Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, Ủy ban kiểm toán bao gồm 02 thành viên và đều là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Hội đồng Quản trị xác định năng lực của các thành viên,

năng lực, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Tên thành viên	Năm sinh	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (*)
Hồ Thúy Hạnh	1971	Chủ tịch	0	0%
Huỳnh Công Hoàn	1972	Thành viên	0	0%

b) Chức danh mà các thành viên Ủy ban kiểm toán nắm giữ tại các công ty khác.

Tên thành viên	Chức vụ	Tên Công ty
HỒ THÚY HẠNH Chủ tịch UBKT	Tham khảo mục 2.A Hội đồng Quản trị	
HUỲNH CÔNG HOÀN Thành viên UBKT	Tham khảo mục 2.A Hội đồng Quản trị	

c) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2022:

- Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết.
- Trong năm 2022, Ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và các xét đoán trọng yếu của báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty để đảm bảo tính trung thực của Báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, rà soát các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích.
- Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm toán theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi trình Hội đồng Quản trị chấp thuận. Tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập.
- Thông qua 02 cuộc họp định kỳ trong năm, Ủy ban kiểm toán đã thống nhất và phê duyệt các nội dung sau:
  - thống nhất về mục tiêu và các kế hoạch hoạt động của UBKT trong năm 2022; thống nhất nội dung dự thảo Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022 của Bộ phận kiểm toán nội bộ trình Hội đồng Quản trị.
  - thống nhất Báo cáo kết quả đánh giá kiểm toán nội bộ năm 2022 của Bộ phận kiểm toán nội bộ trình HĐQT; đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị; đánh giá các giao dịch liên quan mà Công ty đã thực hiện trong năm 2022.

3. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2022

a) Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Uỷ ban kiểm toán trong năm 2022:

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán hoạt động không có thù lao.

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ trong năm 2022: không phát sinh.

c) Các giao dịch khác (Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ) trong năm 2022:

- Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: năm 2022 có phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ nội bộ, chia sẻ chi phí, chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu với các công ty mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã và đang là thành viên HĐQT, Chủ tịch Công ty, Giám đốc. Các giao dịch liên quan này đều được Hội đồng Quản trị Công ty xem xét, phê duyệt trước khi thực hiện.

Năm	Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
2022	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Bà Nguyễn Hoàng Yến - thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan	Ông Phạm Hồng Sơn – Chủ tịch HĐQT của Công ty là Chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Ông Phạm Hồng Sơn - Chủ tịch HĐQT và Bà Hồ Thúy Hạnh - Thành viên HĐQT Công ty là Chủ tịch HĐQT/Thành viên HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan MB	Ông Phạm Hồng Sơn – Chủ tịch HĐQT của Công ty là Chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan HG	Ông Phạm Hồng Sơn – Chủ tịch HĐQT của Công ty là Chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty Cổ phần Masan Jinju	Ông Phạm Hồng Sơn – Chủ tịch HĐQT là Chủ tịch HĐQT của Bên liên quan

- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành: không phát sinh.

- Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: không phát sinh.

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600261626	ngày 29 tháng 12 năm 2004
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là vào ngày 7 tháng 7 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
	Ông Huỳnh Công Hoàn	Thành viên
	Bà Hồ Thúy Hạnh	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Đoàn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc (từ ngày 30 tháng 6 năm 2022)
	Ông Le Huu - Thang	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 Phường An Bình Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Đoàn Quốc Hưng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 1 tháng 3 năm 2023

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00680-23-1

Trần Thị Lệ Hằng	Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1	Kiểm toán số 4623-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**1.770.245.687.000**	**1.474.605.295.591**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**220.747.303.628**	**1.112.648.169.018**
Tiền	111		4.247.303.628	12.648.169.018
Các khoản tương đương tiền	112		216.500.000.000	1.100.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**400.000.000**	**400.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.175.231.017.068**	**130.024.726.672**
Phải thu của khách hàng	131	6	443.509.322.563	125.183.349.600
Trả trước cho người bán	132		806.435.532	972.863.400
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	730.915.258.973	3.868.513.672
Hàng tồn kho	**140**	**8**	**372.812.797.741**	**230.920.483.717**
Hàng tồn kho	141		379.286.373.904	231.565.212.874
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.473.576.163)	(644.729.157)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.054.568.563**	**611.916.184**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.054.568.563	611.916.184

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**336.004.350.270**	**549.307.827.758**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**5.000.000**	**5.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
Tài sản cố định	**220**		**313.821.666.357**	**364.489.552.753**
Tài sản cố định hữu hình	221	9	313.759.810.920	364.303.986.460
Nguyên giá	*222*		*1.026.229.652.894*	*1.021.911.278.232*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(712.469.841.974)*	*(657.607.291.772)*
Tài sản cố định vô hình	227	10	61.855.437	185.566.293
Nguyên giá	*228*		*1.880.358.879*	*1.880.358.879*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.818.503.442)*	*(1.694.792.586)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**460.000.000**	**2.341.741.814**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	460.000.000	2.341.741.814
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**12**	**-**	**159.452.335.058**
Đầu tư vào một công ty con	251		-	205.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(45.547.664.942)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**21.717.683.913**	**23.019.198.133**
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	17.904.136.113	18.086.411.592
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	3.813.547.800	4.932.786.541
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.106.250.037.270**	**2.023.913.123.349**

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**443.418.098.090**	**680.187.909.160**
Nợ ngắn hạn	**310**		**438.501.046.840**	**675.292.024.410**
Phải trả người bán	311	15	121.866.794.835	241.592.096.803
Người mua trả tiền trước	312		806.093.746	8.475.585.334
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	13.312.725.973	37.302.741.587
Chi phí phải trả	315	17	26.957.408.885	40.285.651.288
Phải trả ngắn hạn khác	319	18(a)	2.955.586.185	3.596.492.215
Vay ngắn hạn	320	19	251.570.539.758	323.007.559.725
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.031.897.458	21.031.897.458
Nợ dài hạn	**330**		**4.917.051.250**	**4.895.884.750**
Phải trả dài hạn khác	337	18(b)	279.450.000	279.450.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.637.601.250	4.616.434.750
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**1.662.831.939.180**	**1.343.725.214.189**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**1.662.831.939.180**	**1.343.725.214.189**
Vốn cổ phần	411	21	265.791.350.000	265.791.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*265.791.350.000*	*265.791.350.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.510.848.947	213.510.848.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.153.555.498.265	834.448.773.274
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*834.448.773.274*	*393.794.513.958*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	*421b*		*319.106.724.991*	*440.654.259.316*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.106.250.037.270**	**2.023.913.123.349**

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Phan Thị Thúy Hoa	Đoàn Quốc Hưng
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**23**	**2.212.293.318.845**	**2.217.525.806.404**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**23**	**5.258.593.721**	**2.171.971.874**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**23**	**2.207.034.725.124**	**2.215.353.834.530**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**24**	**1.713.244.241.116**	**1.649.796.169.532**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**493.790.484.008**	**565.557.664.998**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	43.092.631.699	62.847.898.558
Chi phí tài chính	22	26	93.758.023.328	16.100.571.353
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*6.597.155.148*	*5.065.330.964*
Chi phí bán hàng	25	27	11.970.360.986	15.020.250.529
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	31.185.203.989	45.893.319.095
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**399.969.527.404**	**551.391.422.579**
Thu nhập khác	31		1.328	200.288.833
Chi phí khác	32		531.534.713	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(531.533.385)**	**200.288.833**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**399.437.994.019**	**551.591.711.412**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**30**	**79.212.030.287**	**113.234.510.554**
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	**52**	**30**	**1.119.238.741**	**(2.297.058.458)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	**60**		**319.106.724.991**	**440.654.259.316**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	**60**		**319.106.724.991**	**440.654.259.316**
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	12.006	16.579

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Phan Thị Thúy Hoa	Đoàn Quốc Hưng
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**399.437.994.019**	**551.591.711.412**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	55.335.602.785	57.637.604.898
Các khoản dự phòng	03	91.299.675.862	11.231.242.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	913.413.793	21.290.337
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(40.648.625.238)	(61.376.973.905)
Chi phí lãi vay	06	6.597.155.148	5.065.330.964
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**512.935.216.369**	**564.170.206.477**
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(317.375.688.334)	98.247.687.173
Biến động hàng tồn kho	10	(150.229.106.473)	1.453.877.002
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(158.615.053.358)	113.756.574.607
Biến động chi phí trả trước	12	2.332.707.841	3.824.472.452
		(110.951.923.955)	**781.452.817.711**
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.497.942.489)	(5.040.781.018)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(86.740.180.969)	(183.922.811.404)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(203.190.047.413)**	**592.489.225.289**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(5.020.388.136)	(14.549.064.061)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	118.548.968
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(700.400.000.000)	(400.000.000)
Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các hoạt động đầu tư khác	24	400.000.000	920.000.000.000
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	-	125.000.000.000
Tiền chi đầu tư vào một công ty con	25	-	(170.000.000.000)
Tiền thu từ thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con	26	76.536.040.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay và các hoạt động đầu tư khác	27	11.609.101.466	117.789.023.011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(616.875.246.670)**	**977.958.507.918**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ các khoản vay	33	689.978.405.688	850.347.096.224
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(761.415.425.655)	(844.583.280.605)
Tiền trả cổ tức	36	(427.700.000)	(664.407.350.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(71.864.719.967)**	**(658.643.534.381)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(891.930.014.050)**	**911.804.198.826**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**1.112.648.169.018**	**200.879.074.099**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**	**29.148.660**	**(35.103.907)**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	**70**	**220.747.303.628**	**1.112.648.169.018**

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Phan Thị Thúy Hoa	Đoàn Quốc Hưng
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê, ngũ cốc ăn liền và thức uống không cồn cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 245 nhân viên (1/1/2022: 266 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn cổ phần sở hữu trong một công ty con cho các bên (Thuyết minh 12). Do kết quả của các giao dịch này, Công ty không còn khoản đầu tư nào vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và vì vậy, Công ty không lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào một công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, khoản đầu tư vào một công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 8 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn còn lại của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các khoản đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay, dự phòng giảm giá đầu tư vào một công ty con và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Công ty lần lượt được lập dựa theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của các bộ phận bao gồm các khoản mục liên quan trực tiếp đến một bộ phận cùng các khoản có thể được phân bổ trên cơ sở hợp lý. Các khoản mục chưa được phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và thu nhập liên quan, các khoản đầu tư và thu nhập và chi phí liên quan, các khoản vay và các chi phí liên quan, tài sản của trụ sở chính của Công ty, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, và các khoản mục có liên quan đến nhiều hơn một bộ phận và không thể phân bổ hợp lý cho một bộ phận.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các công ty và bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cà phê và thức uống không cồn; và
- Khác: bao gồm ngũ cốc và các mặt hàng khác.

	Cà phê và thức uống không cồn		Khác		Tổng	
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	1.811.651.711.734	1.830.005.850.342	395.383.013.390	385.347.984.188	2.207.034.725.124	2.215.353.834.530
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp của bộ phận	(1.480.953.976.662)	(1.429.878.634.598)	(232.290.264.454)	(219.917.534.934)	(1.713.244.241.116)	(1.649.796.169.532)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	330.697.735.072	400.127.215.744	163.092.748.936	165.430.449.254	493.790.484.008	565.557.664.998
Chi phí bán hàng không phân bổ					(11.970.360.986)	(15.020.250.529)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(31.185.203.989)	(45.893.319.095)
Doanh thu hoạt động tài chính					43.092.631.699	62.847.898.558
Chi phí tài chính					(93.758.023.328)	(16.100.571.353)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					399.969.527.404	551.391.422.579
Kết quả từ các hoạt động khác					(531.533.385)	200.288.833
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(80.331.269.028)	(110.937.452.096)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					319.106.724.991	440.654.259.316

Tài sản và nợ phải trả không thể phân bổ cho các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty chủ yếu hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	20.369.002	28.018.155
Tiền gửi ngân hàng	4.226.934.626	12.620.150.863
Các khoản tương đương tiền	216.500.000.000	1.100.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	220.747.303.628	1.112.648.169.018

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu từ các bên liên quan	406.734.994.572	73.026.554.783
Phải thu từ các bên thứ ba	36.774.327.991	52.156.794.817
	443.509.322.563	125.183.349.600

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi dao động trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền đặt cọc ngắn hạn cho hoạt động đầu tư khác (*)	700.000.000.000	-
Lãi dự thu từ hoạt động đầu tư khác (*)	29.761.643.835	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	573.683.288	1.321.225.206
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	84.315.000	303.400.000
Phải thu khác	495.616.850	2.243.888.466
	730.915.258.973	3.868.513.672

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các số dư này phản ánh số tiền đặt cọc cho các bên thứ ba theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo các hợp đồng này, các bên thứ ba cam kết sẽ trả cho Công ty tỷ suất lợi nhuận tối thiểu đã được thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác đầu tư.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	8.713.213.429	-
Nguyên vật liệu	272.260.453.369	(6.473.576.163)	158.907.331.516	(644.729.157)
Công cụ và dụng cụ	9.773.985.669	-	9.056.027.248	-
Thành phẩm	97.248.250.321	-	49.426.113.212	-
Hàng hóa	3.684.545	-	11.370.045	-
Hàng gửi đi bán	-	-	5.451.157.424	-
	379.286.373.904	(6.473.576.163)	231.565.212.874	(644.729.157)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	644.729.157	10.265.333
Tăng dự phòng trong năm	8.336.792.449	1.013.366.079
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.507.945.443)	(378.902.255)
Số dư cuối năm	6.473.576.163	644.729.157

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 6.474 triệu VND (1/1/2022: 645 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	203.568.960.136	808.078.468.225	6.106.362.636	4.157.487.235	1.021.911.278.232
Tăng trong năm	-	439.211.000	-	-	439.211.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	4.228.505.389	-	-	4.228.505.389
Thanh lý	-	-	(349.341.727)	-	(349.341.727)
Số dư cuối năm	203.568.960.136	812.746.184.614	5.757.020.909	4.157.487.235	1.026.229.652.894
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	93.828.710.874	555.719.540.016	4.300.852.510	3.758.188.372	657.607.291.772
Khấu hao trong năm	9.488.499.737	45.069.114.472	504.118.501	150.159.219	55.211.891.929
Thanh lý	-	-	(349.341.727)	-	(349.341.727)
Số dư cuối năm	103.317.210.611	600.788.654.488	4.455.629.284	3.908.347.591	712.469.841.974
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	109.740.249.262	252.358.928.209	1.805.510.126	399.298.863	364.303.986.460
Số dư cuối năm	100.251.749.525	211.957.530.126	1.301.391.625	249.139.644	313.759.810.920

Trong tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá 327.017 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 307.505 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	1.004.073.640	876.285.239	1.880.358.879
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.004.073.640	690.718.946	1.694.792.586
Khấu hao trong năm	-	123.710.856	123.710.856
Số dư cuối năm	1.004.073.640	814.429.802	1.818.503.442
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	185.566.293	185.566.293
Số dư cuối năm	-	61.855.437	61.855.437

Trong tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá 1.004 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 1.004 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND
Số dư đầu năm	2.341.741.814
Tăng trong năm	4.939.848.316
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.228.505.389)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.593.084.741)
Số dư cuối năm	460.000.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc và thiết bị	460.000.000	2.341.741.814

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022			1/1/2022		
	% lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	% lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Đầu tư vào một công ty con						
Công ty Cổ phần Café De Nam ("CDN")	-	-	-	97,77%	205.000.000.000	(45.547.664.942)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong tháng 9 năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng lần lượt 92,76% và 5,01% vốn cổ phần sở hữu trong CDN cho Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, một bên liên quan, và một bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng lần lượt là 72.616.040.000 VND và 3.920.000.000 VND. Do kết quả của các giao dịch này, CDN không còn là công ty con của Công ty.

Biến động trong năm của khoản đầu tư vào một công ty con như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	205.000.000.000	35.000.000.000
Tăng trong năm	-	170.000.000.000
Chuyển nhượng trong năm	(205.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	205.000.000.000

Biến động trong năm của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	45.547.664.942	35.000.000.000
Tăng dự phòng trong năm	82.941.716.913	10.547.664.942
Sử dụng dự phòng trong năm	(128.489.381.855)	-
Số dư cuối năm	-	45.547.664.942

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	13.292.005.349	4.794.406.243	18.086.411.592
Tăng trong năm	-	1.571.252.131	1.571.252.131
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.593.084.741	2.593.084.741
Phân bổ trong năm	(402.788.040)	(3.943.824.311)	(4.346.612.351)
Số dư cuối năm	12.889.217.309	5.014.918.804	17.904.136.113

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí phải trả và dự phòng	3.813.547.800	4.932.786.541

15. Phải trả người bán

	31/12/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2022 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên thứ ba	111.290.336.934	217.198.185.943
Phải trả các bên liên quan	10.576.457.901	24.393.910.860
	121.866.794.835	241.592.096.803

Xem thêm Thuyết minh 32 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	18.497.499.738	166.377.420.572	(80.092.776.187)	(101.939.139.897)	2.843.004.226
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.917.766.855	79.212.030.287	(86.740.180.969)	-	10.389.616.173
Thuế thu nhập cá nhân	887.474.994	6.966.462.651	(7.773.832.071)	-	80.105.574
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.557.892.833	(1.557.892.833)	-	-
Các loại thuế khác	-	7.701.531.555	(7.701.531.555)	-	-
	37.302.741.587	261.815.337.898	(183.866.213.615)	(101.939.139.897)	13.312.725.973

17. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Thưởng và lương tháng 13	9.835.765.541	17.669.383.217
Chi phí gia công	6.632.978.648	9.635.346.482
Chi phí lãi vay	1.933.932.153	834.719.494
Chi phí kho vận	1.673.123.281	1.089.135.077
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	434.366.190	1.582.282.559
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	322.000.000	121.606.800
Chi phí khác	6.125.243.072	9.353.177.659
	26.957.408.885	40.285.651.288

18. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	2.106.665.000	2.534.365.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	381.882.500	381.882.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	204.822.505	309.929.857
Phải trả khác	262.216.180	370.314.858
	2.955.586.185	3.596.492.215

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	279.450.000	279.450.000

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2022 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	323.007.559.725	689.978.405.688	(761.415.425.655)	251.570.539.758

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	7,1% - 8,0%	251.570.539.758	323.007.559.725

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có khoản vay nào quá hạn bao gồm cả gốc và lãi.

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.058.272.888.958	1.567.549.329.873
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	440.654.259.316	440.654.259.316
Cổ tức	-	-	-	(664.478.375.000)	(664.478.375.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	834.448.773.274	1.343.725.214.189
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	319.106.724.991	319.106.724.991
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.153.555.498.265	1.662.831.939.180

(*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

21. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần		29.974.241.968		29.974.241.968

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng 1 năm	4.051.260.000	4.787.880.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	-	580.800.000
	4.051.260.000	5.368.680.000

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	844.704.000	1.414.664.600
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.800.000.000	5.663.232.000
	3.644.704.000	7.077.896.600

(c) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	14.433	337.883.319	66.284	1.501.329.203

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.202.837.965.583	2.207.545.030.665
▪ Doanh thu khác	9.455.353.262	9.980.775.739
	2.212.293.318.845	2.217.525.806.404
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	3.914.228.944	2.023.856.294
▪ Chiết khấu thương mại	1.344.364.777	148.115.580
	5.258.593.721	2.171.971.874
Doanh thu thuần	2.207.034.725.124	2.215.353.834.530

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.676.373.026.631	1.624.878.521.448
▪ Giá vốn khác	28.534.422.036	23.904.282.005
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.336.792.449	1.013.366.079
	1.713.244.241.116	1.649.796.169.532

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và các hoạt động đầu tư khác	40.623.203.383	60.946.781.101
Lãi từ khoản cho một công ty con vay	-	311.643.836
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.444.006.461	1.589.473.621
Khác	25.421.855	-
	43.092.631.699	62.847.898.558

26. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào một công ty con	82.941.716.913	10.547.664.942
Chi phí lãi vay	6.597.155.148	5.065.330.964
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.219.151.267	487.575.447
	93.758.023.328	16.100.571.353

27. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí kho vận	6.754.249.590	2.601.910.309
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	4.647.123.199	9.770.988.954
Chi phí khác	568.988.197	2.647.351.266
	11.970.360.986	15.020.250.529

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	20.133.525.254	33.493.588.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	609.285.386	579.940.705
Chi phí nghiên cứu và phát triển	463.753.509	148.974.515
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	250.134.731	203.047.776
Chi phí khác	9.728.505.109	11.467.767.323
	31.185.203.989	45.893.319.095

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.492.379.645.128	1.393.903.455.428
Chi phí nhân viên và nhân công	98.107.988.574	114.937.214.725
Chi phí khấu hao	55.335.602.785	57.637.604.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.394.565.822	100.976.182.849
Chi phí khác	39.182.003.782	43.255.281.256

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	79.212.030.287	113.234.510.554
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	1.119.238.741	(2.297.058.458)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	80.331.269.028	110.937.452.096

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	399.437.994.019	551.591.711.412
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	79.887.598.804	110.318.342.282
Chi phí không được khấu trừ thuế	443.670.224	619.109.814
	80.331.269.028	110.937.452.096

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, cũng như từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng có thể là đáng kể.

31. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 319.106.724.991 VND (2021: 440.654.259.316 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 26.579.135 cổ phiếu (2021: 26.579.135 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	319.106.724.991	440.654.259.316

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022	2021
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	26.579.135	26.579.135

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND	2021 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.006	16.579

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

32. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
	2022	2021	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND	VND	VND
Công ty mẹ của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan				
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.865.485.884.596	1.957.512.103.704	382.201.922.442	56.024.667.533
Mua hàng hóa	50.075.265.565	65.788.308.853	-	-
Công ty mẹ				
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage				
Cổ tức	-	656.449.375.000	-	-
Công ty con				
Công ty Cổ phần Café De Nam ("CDN") (đến ngày 30 tháng 9 năm 2022)				
Bán hàng hóa	149.243.992	2.653.480	-	5.296.830
Bán dịch vụ	640.872.000	878.755.088	-	234.584.886
Mua hàng hóa	375.836.924	54.139.712	-	-
Góp vốn	-	170.000.000.000	-	-
Thu hồi khoản cho vay	-	125.000.000.000	-	-
Thu nhập lãi cho vay	-	311.643.836	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan				
Bán hàng hóa	81.749.230	548.317.035	-	-
Mua hàng hóa	152.906.524	87.578.880	(2.565.000)	(13.945.294)
Mua dịch vụ	18.707.395.762	16.853.415.909	(5.441.546.589)	(6.946.100.390)
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo				
Bán hàng hóa	-	58.917.276	-	-
Mua hàng hóa	15.855.938.183	34.815.252.153	(2.621.126.177)	(10.314.478.321)
Mua dịch vụ	8.527.593.600	26.022.240.000	(2.726.234.496)	(7.375.072.320)
Chuyển nhượng cổ phần trong CDN	72.616.040.000	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB				
Bán hàng hóa và dịch vụ	27.791.206.823	22.367.299.447	8.488.415.051	5.866.022.184
Mua hàng hóa	2.686.684.000	2.237.664.000	-	-

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
	2022 VND	2021 VND	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG				
Bán hàng hóa và dịch vụ	34.002.758.688	32.007.382.490	12.490.268.004	10.056.826.560
Mua hàng hóa	69.400.161	1.091.376.000	-	-
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage				
Bán hàng hóa	14.847.924.167	1.442.141.560	3.554.389.075	829.896.716
Mua hàng hóa	861.204.000	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution				
Bán hàng hóa	5.789.918.400	-	-	-
Mua hàng hóa	134.069.091	42.755.454	(48.510.000)	-
Công ty Cổ phần Mobicast				
Mua dịch vụ	90.132.837	-	-	-
Công ty Cổ phần Café De Nam (từ ngày 1 tháng 10 năm 2022)				
Bán dịch vụ	177.151.791	-	-	-
Mua hàng hóa	7.800.550	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD				
Bán hàng hóa	-	4.153.625	-	-
Công ty Cổ phần Masan JinJu				
Bán hàng hóa	8.418.249	8.418.249	-	9.260.074
Công ty TNHH Hi-Fresh				
Mua hàng hóa	-	7.400.000	-	(8.140.000)
Mua tài sản cố định	-	48.993.633	-	(53.892.996)
Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao	10.624.224.402	20.168.016.664	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Công Hoàn	Thành viên	-	-
Bà Hồ Thúy Hạnh	Thành viên	-	-
Ban Giám đốc			
Ông Đoàn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc (từ ngày 30 tháng 6 năm 2022) (*)	-	-
Ông Le Huu - Thang	Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)	10.624.224.402	19.528.085.791

*) Không nhận lương và thưởng từ Công ty.

3. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập		Người duyệt:
Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Phan Thị Thúy Hoa	Đoàn Quốc Hưng
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Nơi nhận:
- Sở GDCK TP.HCM;
- Ủy ban CK Nhà nước;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM HỒNG SƠN